

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MÃ SỐ THUẾ: 0310745210**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 1 NĂM 2024**

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>705.871.095.002</b>	<b>678.896.736.766</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>308.243.361.152</b>	<b>232.406.098.917</b>
1. Tiền	111		19.573.349.514	21.660.748.917
2. Các khoản tương đương tiền	112		288.670.011.638	210.745.350.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>4.2</b>	<b>114.160.207.686</b>	<b>191.073.696.469</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.257.388.143	2.257.388.143
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		111.902.819.543	188.816.308.326
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>87.296.548.795</b>	<b>85.050.069.802</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	74.125.966.686	70.803.696.763
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	7.328.405.587	6.383.927.745
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	27.189.448.758	29.034.229.603
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(34.444.446.337)	(34.268.958.410)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.7	13.097.174.101	13.097.174.101
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.8</b>	<b>192.994.220.349</b>	<b>167.175.417.163</b>
1. Hàng tồn kho	141		199.121.552.332	174.181.997.019
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.127.331.983)	(7.006.579.856)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.176.757.020</b>	<b>3.191.454.415</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	452.735.937	144.669.913
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.510.252.106	2.445.000.420
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.16	213.768.977	601.784.082
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.926.656.987.174</b>	<b>1.894.473.780.576</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.384.882.668</b>	<b>4.370.628.046</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	4.384.882.668	4.370.628.046
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>99.610.891.094</b>	<b>101.902.370.326</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	77.427.313.031	79.495.788.355
Nguyên giá	222		366.356.591.542	366.356.591.542
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(288.929.278.511)	(286.860.803.187)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	22.183.578.063	22.406.581.971
Nguyên giá	228		33.221.748.042	33.221.748.042
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.038.169.979)	(10.815.166.071)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>692.779.076.321</b>	<b>692.779.076.321</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	692.779.076.321	692.779.076.321
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.2</b>	<b>1.120.552.213.704</b>	<b>1.085.724.384.836</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.007.531.722.309	972.703.893.441
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		131.851.261.456	131.851.261.456
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.830.770.061)	(18.830.770.061)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.329.923.387</b>	<b>9.697.321.047</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	2.930.484.660	3.297.882.320
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.13	6.399.438.727	6.399.438.727
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 +200)</b>	<b>270</b>		<b>2.632.528.082.176</b>	<b>2.573.370.517.342</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>269.223.394.625</b>	<b>249.846.064.768</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>239.456.512.154</b>	<b>220.083.182.297</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	11.255.666.674	6.076.540.282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	13.242.956.956	4.225.752.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	17.093.456.170	17.080.140.329
4. Phải trả người lao động	314		7.373.298.218	16.140.092.225
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	41.251.570.670	40.958.701.280
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	223.444.290	154.044.290
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	18.886.778.671	19.741.995.491
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	128.347.902.500	112.621.760.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.781.438.005	3.084.155.756
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>29.766.882.471</b>	<b>29.762.882.471</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	23.056.510.000	23.052.510.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	1.040.129.300	1.040.129.300
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.670.243.171	5.670.243.171
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2.363.304.687.551</b>	<b>2.323.524.452.574</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.21</b>	<b>2.363.304.687.551</b>	<b>2.323.524.452.574</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.509.201	22.509.201
3. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(28.944.791.387)	(28.944.791.387)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.652.683.264	25.652.683.264
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.014.242.024.994	974.105.309.401
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		974.105.309.401	744.688.774.662
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		40.136.715.593	229.416.534.739
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		102.428.211.479	102.784.692.095
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>2.632.528.082.176</b>	<b>2.573.370.517.342</b>



Lê Cao Thùy Linh  
Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Gấm  
Kế toán trưởng



Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý 1 năm 2024

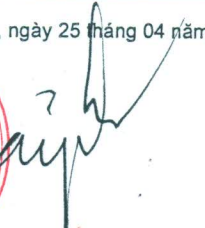
CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 1/2024	Quý 1/2023	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	123.725.593.355	170.105.882.399	123.725.593.355	170.105.882.399
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	17.763.928	22.520.595	17.763.928	22.520.595
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123.707.829.427	170.083.361.804	123.707.829.427	170.083.361.804
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	100.296.644.336	144.795.073.654	100.296.644.336	144.795.073.654
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.411.185.091	25.288.288.150	23.411.185.091	25.288.288.150
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	5.525.332.874	13.162.504.489	5.525.332.874	13.162.504.489
7. Chi phí tài chính	22	5.5	1.710.281.559	1.712.653.342	1.710.281.559	1.712.653.342
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.301.564.262</i>	<i>1.480.354.727</i>	<i>1.301.564.262</i>	<i>1.480.354.727</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		34.827.828.868	39.140.353.471	34.827.828.868	39.140.353.471
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	6.646.345.451	7.949.676.265	6.646.345.451	7.949.676.265
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	14.765.142.608	23.744.986.328	14.765.142.608	23.744.986.328
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.642.577.215	44.183.830.175	40.642.577.215	44.183.830.175
12. Thu nhập khác	31	5.8	806.811.715	162.581.193	806.811.715	162.581.193
13. Chi phí khác	32	5.9	112.748.937	21.939.636	112.748.937	21.939.636
14. Lợi nhuận khác	40		694.062.778	140.641.557	694.062.778	140.641.557
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.336.639.993	44.324.471.732	41.336.639.993	44.324.471.732
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	1.556.405.016	3.078.503.949	1.556.405.016	3.078.503.949
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		39.780.234.977	41.245.967.783	39.780.234.977	41.245.967.783
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		40.136.715.593	45.332.428.749	40.136.715.593	45.332.428.749
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(356.480.616)	(4.086.460.966)	(356.480.616)	(4.086.460.966)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.4	321	363	321	363
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.5	321	363	321	363

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024

  
Lê Cao Thùy Linh  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Hồng Gấm  
Kế toán trưởng



  
Mai Xuân Phong  
Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

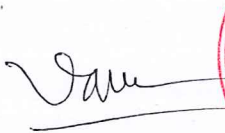
( Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.336.639.993	44.324.471.732
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.284.885.481	2.664.752.826
Các khoản dự phòng	03	(703.759.946)	7.004.478.462
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(203.084.199)	63.674.822
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(39.432.403.810)	(51.268.042.878)
Chi phí lãi vay	06	1.301.564.262	1.480.354.727
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	4.583.841.781	4.269.689.691
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.294.073.922)	11.093.165.755
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(24.939.555.313)	1.168.529.550
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	11.955.444.129	10.370.222.283
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	53.334.573	(848.044.399)
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.388.655.262)	(1.575.678.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.733.123.986)	(67.167.902)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	22.521.719	9.077.788
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.872.649.826)	(4.742.540.331)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(24.612.916.107)	19.677.254.389
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	-
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(11.448.113.934)	(383.731.713.828)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	88.361.602.717	344.300.516.741
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.632.357.590	12.212.883.061
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	84.545.846.373	(27.218.314.026)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	107.450.908.500	97.832.540.500
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(91.724.766.000)	(91.176.985.341)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.952.000)	(10.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	15.710.190.500	6.645.555.159
<b>LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM</b>	50	75.643.120.766	(895.504.478)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	232.406.098.917	46.786.231.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá h/đoái quy đổi ngoại tệ	61	194.141.469	(57.588.731)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	70	308.243.361.152	45.833.138.272

  
Lê Cao Thùy Linh  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Hồng Gấm  
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024  
  
  
Mai Xuân Phong  
Tổng Giám Đốc

# TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 1 NĂM 2024

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

##### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 08 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần đây nhất là ngày 08 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Việt Nam	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD	Việt Nam	180.000.000.000	14,40%	180.000.000.000	14,40%
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hường Công Viên	Việt Nam	-	0,00%	175.260.000.000	14,02%
Các cổ đông khác		277.624.050.000	22,21%	102.364.050.000,00	8,19%
Cổ phiếu quỹ		95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
<b>Cộng</b>		<b>1.250.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>100%</b>

- Nhà đầu tư theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 28/03/2024.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 75 người. (31 tháng 12 năm 2023 là 75 người).

##### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

##### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;

## TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 1 NĂM 2024

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	59,34%	59,34%
2.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	50,83%	50,83%
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	62,37%	62,37%



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.6. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	47,90%	47,90%
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	36,40%	36,40%
3	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng.	27,75%	27,75%
4	Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	26,46%	26,46%
5	Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. HCM	22,59%	22,59%
6	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.	22,08%	22,08%

**1.7. Các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. HCM	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.	27,08%	27,08%
3	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam	Số 9 đường Phạm Văn Đồng, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	21,40%	21,40%
4	Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, P.Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội	20,00%	20,00%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã hết thời hạn hợp đồng liên doanh và giấy phép đầu tư từ năm 2006 và các Công ty khác Tổng công ty không nhận được BCTC quý 1/2024.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### 2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên Tổng công ty hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần bắt đầu ngày 17/04/2015 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### 2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

#### 2.4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tổng Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### *Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### *Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ*

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

#### *Đầu tư vào công ty liên doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

#### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### *Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác*

##### *Đối với các khoản đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

##### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### 3.4. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **3.5. Hàng tồn kho**

##### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

##### *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho*

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 13 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

**3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty gồm:

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất của Tổng công ty gồm giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 và các lô đất khác thuộc CTCP XNK Thủy sản Hà Nội và CTCP XNK Thủy sản Năm Căn.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 32,5 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

### 3.11. Chi phí đi vay

#### *Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay*

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### 3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

### 3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

**3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

***Chênh lệch đánh giá lại tài sản***

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại khoản đầu tư vào các công ty con phát sinh trong quá trình đánh giá lại tài sản phục vụ cổ phần hóa Tổng Công ty.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.15. Doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

***Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định***

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

#### *Thu nhập đầu tư*

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

#### **3.17. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

#### **3.18. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình, bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

#### **3.20. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 1 NĂM 2024**

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn được miễn thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động xuất khẩu thủy sản theo khoản 1, điều 4 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2003 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015.

Các thu nhập khác của Tổng Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.23. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 1 NĂM 2024**

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>Tại ngày 31/03/2024</b>	<b>Tại ngày 01/01/2024</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.222.480.467	2.227.142.911
Tiền gửi ngân hàng	18.350.869.047	19.433.606.006
Các khoản tương đương tiền	288.670.011.638	210.745.350.000
<b>Cộng</b>	<b>308.243.361.152</b>	<b>232.406.098.917</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2 Các khoản đầu tư tài chính:**

Chúng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	437.233	2.257.388.143	-	437.233	2.257.388.143	-
		<b>2.257.388.143</b>	-		<b>2.257.388.143</b>	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - PGD Thuận An (Eximbank Lái Thiêu cũ) (*)	-	-	34.872.453.503	34.872.453.503
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn	39.535.000.000	39.535.000.000	81.065.000.000	81.065.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - CN Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng	9.000.000.000	9.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hồng Bàng	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	12.000.000.000	12.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thành Công	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Nam Thăng Long	9.594.949.627	9.594.949.627	9.534.608.248	9.534.608.248
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Ba Đình	16.103.993.204	16.103.993.204	15.675.369.863	15.675.369.863
- Ngân hàng BIDV - CN SGD 1	5.168.876.712	5.168.876.712	5.168.876.712	5.168.876.712
<b>Cộng</b>	<b>111.902.819.543</b>	<b>111.902.819.543</b>	<b>188.816.308.326</b>	<b>188.816.308.326</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:</b>				
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc Proconco (*)	546.897.499.662	867.844.522.120	546.897.499.662	830.762.182.450
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	39.992.400.000	-	39.992.400.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	36.071.360.000	40.506.974.346	36.071.360.000	42.112.860.576
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	44.401.539.890	10.918.845.000	45.071.820.357
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	9.362.396.255	10.052.307.288	9.362.396.255	10.030.651.393
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	5.922.372.990	7.055.024.691	5.922.372.990
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	4.867.500.000	-	4.867.500.000	-
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376	1.939.480.868	2.822.244.376	1.939.480.868
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (**)	4.994.824.935	4.994.824.935	4.994.824.935	4.994.824.935
Cty CP Kỹ thuật công trình VN	13.144.848.945	31.869.699.872	13.144.848.945	31.869.699.872
<b>Cộng</b>	<b>676.126.943.864</b>	<b>1.007.531.722.309</b>	<b>676.126.943.864</b>	<b>972.703.893.441</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác:</b>				
Công ty Cổ phần Searefico	53.249.400.000	(15.341.640.000)	53.249.400.000	(15.341.640.000)
Công ty CP Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358	-	26.220.102.358	-
Công ty CP Thủy đặc sản	23.144.531.354	-	23.144.531.354	-
Cty CP Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	22.522.500.000	-
CTCP Đầu tư KD Phát triển nhà	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Cty CP Thiết bị hàng hải Mecom	1.307.080.395	-	1.307.080.395	-
Công ty CP KD XNK Thủy sản	1.254.969.616	-	1.254.969.616	-
Công ty CP Vật tư Thủy sản VN	995.940.542	(741.937.420)	995.940.542	(741.937.420)
CTCP Sản xuất TMDV Phú Mỹ	553.333.272	(250.432.469)	553.333.272	(250.432.469)
Công ty CP Biển Tây	455.000.000	(455.000.000)	455.000.000	(455.000.000)
Công ty CP Bao bì Thủy sản	148.403.919	(41.760.172)	148.403.919	(41.760.172)
<b>Cộng</b>	<b>131.851.261.456</b>	<b>(18.830.770.061)</b>	<b>131.851.261.456</b>	<b>(18.830.770.061)</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 1 NĂM 2024**

---

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

(\*) Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng Vay vốn số 01/2016/HDVV ngày 23/6/2016 với Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

(\*\*) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy Ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã tạm chuyển trả số tiền tương ứng phần vốn góp của Tổng công ty là 4.994.824.935 đồng. Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do các vướng mắc pháp lý gặp phải trong quá trình triển khai Dự án Cỏ May của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May.

Ngày 26/12/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đã gửi công văn số 135/2022/CV-NKH tới Tổng Công ty với đề nghị dừng việc thực hiện Dự án Cỏ May và thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015 vì lý do bất khả kháng (chính sách pháp luật thay đổi), đồng thời tiến hành giải thể liên doanh – Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May theo quy định. Ngày 05/01/2023, Tổng Công ty đã có công văn trả lời gửi tới Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đề nghị sau khi xin chỉ đạo từ Hội đồng Quản trị Tổng Công ty sẽ có phản hồi về hướng xử lý thích hợp đối với Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015.

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****QUÝ 1 NĂM 2024****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	7.014.224.000	7.214.224.000
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	12.500.000.000	12.750.000.000
Cty TNHH Thép Bắc Sơn	6.150.000.000	6.600.000.000
Các đối tượng khác	48.415.113.939	44.173.933.818
<i>Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 6</i>		
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	46.628.747	65.538.945
<b>Cộng</b>	<b>74.125.966.686</b>	<b>70.803.696.763</b>

**4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	610.830.342
Cty TNHH Đà Lạt Caviar	1.000.000.000	-
Cty TNHH TM DV Bắc Việt Chung	869.038.977	869.038.977
Công ty CP TM Cầu Vòng Đồ	4.000.000.000	4.000.000.000
Các đối tượng khác	848.536.268	904.058.426
<b>Cộng</b>	<b>7.328.405.587</b>	<b>6.383.927.745</b>



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.5 Phải thu khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
DNTN TM Tân Vạn Phát	1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	(1.521.188.795)
Phải thu cổ tức	1.173.726.500	-	1.173.726.500	-
Lãi dự thu	3.339.622.917	-	6.381.583.190	-
Ký cược, ký quỹ	31.067.416	-	31.067.416	-
Tạm ứng	225.670.175	-	423.561.709	-
Công ty TNHH SX và TM Năm Vàng	525.747.790	(525.747.790)	525.747.790	(525.747.790)
Thoái vốn NN tại TCT Thủy sản VN	673.118.076	-	673.118.076	-
Cty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên (*)	12.459.220.099	-	12.459.220.099	-
BHXH, BHYT, BHTN	150.248.680	-	150.197.222	-
Công ty TNHH TM Hà Đô	1.501.693.149	-	1.240.347.944	-
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	1.015.187.795	-	830.590.780	-
Phải thu khác	4.572.957.366	(413.294.620)	3.623.880.082	(413.294.620)
<b>Cộng</b>	<b>27.189.448.758</b>	<b>(2.460.231.205)</b>	<b>29.034.229.603</b>	<b>(2.460.231.205)</b>

**b) Phải thu khác - Dài hạn**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.384.882.668	(23.141.800)	4.370.628.046	(23.141.800)
<b>Cộng</b>	<b>4.384.882.668</b>	<b>(23.141.800)</b>	<b>4.370.628.046</b>	<b>(23.141.800)</b>

(\*) Đây là khoản tiền thuê đất từ năm 2019 đến 31/03/2024 tại địa chỉ số 02 Ngô Gia Tự, Thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Tổng Công ty với Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên. Theo điều khoản hợp đồng: "Tiền thuê đất hàng năm, hoặc tiền thuê đất trả một lần, từ thời điểm Tổng Công ty bàn giao cơ sở nhà đất để thực hiện Dự án hoặc khi có quyết định về hình thức sử dụng đất của UBND Thành phố Hà Nội. Chi phí thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất và thuế đất cho nhà nước đối với toàn bộ khu đất Công ty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên tự chịu trách nhiệm". Hiện tại dự án vẫn chưa triển khai được.

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 1 NĂM 2024**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.6 Nợ xấu**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	48.775.854.762	14.331.408.425	50.654.535.835	16.385.577.425
<b>Cộng</b>	<b>48.775.854.762</b>	<b>14.331.408.425</b>	<b>50.654.535.835</b>	<b>16.385.577.425</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/03/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
CTCP DV tổng hợp Bình Minh	150.000.000	-	Trên 3 năm	150.000.000	-	Trên 3 năm
Cty TNHH SX và TM Năm Vàng	525.747.790	-	Trên 3 năm	525.747.790	-	Trên 3 năm
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	-	Trên 3 năm	343.294.620	-	Trên 3 năm
DNTN TM Tân Vạn Phát	1.763.953.915	-	Trên 3 năm	1.783.465.988	-	Trên 3 năm
Cty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	-	Trên 3 năm	610.830.342	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Tân Tiến	13.097.174.101	-	Trên 3 năm	13.097.174.101	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	869.038.977	-	Trên 3 năm	869.038.977	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	Trên 3 năm	521.730.857	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	7.014.224.000	3.507.112.000	Trên 12 tháng	7.214.224.000	3.607.112.000	Trên 12 tháng
Cty TNHH Phát triển Công nghệ và TM Gia Long	1.361.657.755	680.828.877	Trên 12 tháng	1.361.657.755	680.828.877	Trên 12 tháng
Cty TNHH Phát triển Công nghệ VHS Quốc tế	3.572.470.696	1.786.235.348	Trên 12 tháng	4.522.470.696	2.261.235.348	Trên 12 tháng
Công ty TNHH TM Hà Đô	11.500.000.000	5.750.000.000	Trên 12 tháng	11.750.000.000	5.875.000.000	Trên 12 tháng
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn	5.150.000.000	2.575.000.000	Trên 6 tháng	5.600.000.000	3.920.000.000	Trên 6 tháng
Các khách hàng khác	2.295.731.709	32.232.200	Trên 3 năm	2.304.900.709	41.401.200	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>48.775.854.762</b>	<b>14.331.408.425</b>		<b>50.654.535.835</b>	<b>16.385.577.425</b>	

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng tồn kho	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101
<b>Cộng</b>	<b>13.097.174.101</b>	<b>13.097.174.101</b>	<b>13.097.174.101</b>	<b>13.097.174.101</b>

Là giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HDGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Thái Sơn theo hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tổng Công ty đã trích lập toàn bộ dự phòng tổn thất cho lô thép này.

**4.8 Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/03/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.732.162.221	-	1.470.793.357	-
Công cụ, dụng cụ	1.865.791.246	-	1.336.351.469	-
Chi phí SX, KD dở dang	7.612.944.367	-	7.143.567.952	-
Thành phẩm	170.430.226.111	(6.127.331.983)	144.967.524.019	(7.006.579.856)
Hàng hóa	4.623.951.604	-	7.984.159.954	-
Hàng gửi đi bán	11.856.476.783	-	11.279.600.268	-
<b>Cộng</b>	<b>199.121.552.332</b>	<b>(6.127.331.983)</b>	<b>174.181.997.019</b>	<b>(7.006.579.856)</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/03/2024 là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 31/03/2024 là 0 VND.

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn:</b>		
Chi phí sửa chữa	66.064.104	46.764.320
Thuê nhà kho, mặt hồ	31.111.113	48.611.112
Chi phí khác	355.560.720	49.294.481
<b>Cộng</b>	<b>452.735.937</b>	<b>144.669.913</b>
	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Dài hạn:</b>		
Công cụ dụng cụ	139.662.050	249.800.094
Chi phí sửa chữa	2.099.230.879	2.346.653.674
Chi phí bảo trì phần mềm	80.666.662	91.666.663
Tiền thuê đất trả 1 lần	-	34.400.606
Chi phí san lấp mặt bằng	393.532.929	399.529.992
Chi phí trả trước dài hạn khác	217.392.140	175.831.291
<b>Cộng</b>	<b>2.930.484.660</b>	<b>3.297.882.320</b>

**4.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Tại ngày 01/01/2024	218.871.881.942	128.652.178.956	17.681.489.051	1.151.041.593	366.356.591.542
Tại ngày 31/03/2024	<b>218.871.881.942</b>	<b>128.652.178.956</b>	<b>17.681.489.051</b>	<b>1.151.041.593</b>	<b>366.356.591.542</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Tại ngày 01/01/2024	173.234.111.374	97.656.120.825	14.922.099.545	1.048.471.443	286.860.803.187
Khấu hao trong kỳ	861.089.075	1.012.661.254	185.013.447	9.711.548	2.068.475.324
Tại ngày 31/03/2024	<b>174.095.200.449</b>	<b>98.668.782.079</b>	<b>15.107.112.992</b>	<b>1.058.182.991</b>	<b>288.929.278.511</b>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Tại ngày 01/01/2024	45.637.770.568	30.996.058.131	2.759.389.506	102.570.150	79.495.788.355
Tại ngày 31/03/2024	<b>44.776.681.493</b>	<b>29.983.396.877</b>	<b>2.574.376.059</b>	<b>92.858.602</b>	<b>77.427.313.031</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay : 25.048.297.060 đ

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 217.780.687.748 đ

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2024	31.858.687.161	1.363.060.881	33.221.748.042
Tại ngày 31/03/2024	<b>31.858.687.161</b>	<b>1.363.060.881</b>	<b>33.221.748.042</b>
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2024	9.452.105.190	1.363.060.881	10.815.166.071
Khấu hao trong kỳ	223.003.908	-	223.003.908
Tại ngày 31/03/2024	<b>9.675.109.098</b>	<b>1.363.060.881</b>	<b>11.038.169.979</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2024	22.406.581.971	-	22.406.581.971
Tại ngày 31/03/2024	<b>22.183.578.063</b>	-	<b>22.183.578.063</b>

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất, bao gồm:

- Quyền sử dụng đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 đồng và Tổng Công ty đang thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất này trong 32,5 năm (bắt đầu từ 17/04/2015 đến 16/10/2047).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 3.056.825.074 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.548.404.117 đồng.

**4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Mua quyền sử dụng đất		
- Quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1 (*)	692.174.085.744	692.174.085.744
- Khách sạn Blue Sapphire Vũng Tàu	229.453.856	229.453.856
- Dự án số 02 Ngõ Gia Tự Hà Nội	109.694.182	109.694.182
- Hệ xe triển 6500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
<b>Cộng</b>	<b>692.779.076.321</b>	<b>692.779.076.321</b>

(\*) Theo Quyết định số 6739/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 về duyệt phương án giá đất theo giá thị trường của khu đất số 2-4-6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Công ty Cổ phần, mặc dù Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thuế, tài chính để được chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và đã được Chi cục thuế Quận 1 xác nhận Tổng Công ty đã nộp tiền đất tại ngày 24/01/2017, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Tổng Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo Công văn số 814 tại ngày 27/01/2017 nhưng cho đến hiện nay, Tổng Công ty vẫn chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện triển khai Dự án xây dựng trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ trên khu đất này.

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.399.438.727	6.399.438.727
<b>Cộng</b>	<b>6.399.438.727</b>	<b>6.399.438.727</b>

**4.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND		Tại ngày 01/01/2024 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Cty TNHH Thủy sản Kim Việt	2.301.870.547	2.301.870.547	532.627.850	532.627.850
Cty TNHH Thủy sản Thảo Vy	-	-	841.328.840	841.328.840
Công ty TNHH Thực phẩm Minh Phú	708.618.000	708.618.000	605.606.000	605.606.000
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Phương Nam	2.838.960.386	2.838.960.386	-	-
Các đối tượng khác	5.406.217.741	5.406.217.741	4.096.977.592	4.096.977.592
<b>Cộng</b>	<b>11.255.666.674</b>	<b>11.255.666.674</b>	<b>6.076.540.282</b>	<b>6.076.540.282</b>

**4.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
G.BIANCHI AG	8.966.653.500	-
Công ty TNHH TM và Công nghệ Thái Sơn	4.199.967.000	4.199.967.000
Các đối tượng khác	76.336.456	25.785.644
<b>Cộng</b>	<b>13.242.956.956</b>	<b>4.225.752.644</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/03/2024	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	469.626.819	1.703.198.374	1.678.725.788	-	494.099.405
Thuế TNDN	161.452.550	5.733.123.986	1.556.405.016	5.733.123.986	161.452.550	1.556.405.016
Thuế TNCN	323.649.239	82.525.105	1.171.983.281	399.952.162	51.186.234	622.528.574
Thuế tài nguyên	-	7.096.800	20.878.000	19.139.600	-	8.835.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	116.552.100	10.787.767.619	3.772.079.230	148.258.874	-	14.411.587.975
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	9.953.280	9.953.280	-	-
Thuế khác	130.193	-	188.177.075	189.177.075	1.130.193	-
<b>Cộng</b>	<b>601.784.082</b>	<b>17.080.140.329</b>	<b>8.422.674.256</b>	<b>8.178.330.765</b>	<b>213.768.977</b>	<b>17.093.456.170</b>

**4.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Tiền thuê đất	35.834.513.652	33.926.502.658
Chi phí lãi vay phải trả	4.014.307.036	4.101.398.036
Chi phí tư vấn và hoa hồng	408.681.775	281.590.929
Chi phí dự án tôm sinh thái	610.670.626	1.720.565.034
Các khoản chi khác	383.397.581	928.644.623
<b>Cộng</b>	<b>41.251.570.670</b>	<b>40.958.701.280</b>

**4.18 Doanh thu chưa thực hiện**

	Tại ngày 31/03/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Tiền nhận trước về cho thuê mặt bằng	188.444.290	154.044.290
Cho thuê vị trí lắp đặt hệ thống quảng cáo	35.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>223.444.290</b>	<b>154.044.290</b>



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****QUÝ 1 NĂM 2024****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.19 Phải trả khác**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	97.001.583	88.673.103
Các khoản bảo hiểm	456.883.715	471.781.462
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Cổ tức phải trả	377.975.530	393.927.530
Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	3.870.768.571
Công ty TNHH TM Hà Đô - Tiền cọc	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn - Tiền cọc	-	1.000.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.740.500.000	2.195.200.000
Công ty TNHH Vạn Lợi - tiền nước	289.021.634	289.021.634
Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)	1.776.021.500	1.776.021.500
Phải trả ngắn hạn khác	5.116.104.736	3.494.100.289
Phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan	4.994.824.935	4.994.824.935
<b>Cộng</b>	<b>18.886.778.671</b>	<b>19.741.995.491</b>
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.056.510.000	23.052.510.000
<b>Cộng</b>	<b>23.056.510.000</b>	<b>23.052.510.000</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.20 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 31/03/2024		Trong năm		Tại ngày 01/01/2024	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn:</b>	<b>128.347.902.500</b>	<b>128.347.902.500</b>	<b>107.450.908.500</b>	<b>91.724.766.000</b>	<b>112.621.760.000</b>	<b>112.621.760.000</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	119.174.296.500	119.174.296.500	98.750.908.500	86.446.746.000	106.870.134.000	106.870.134.000
Ngân hàng Viettin- Chi nhánh Cà Mau	6.700.000.000	6.700.000.000	8.700.000.000	3.978.020.000	1.978.020.000	1.978.020.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i>	<i>2.473.606.000</i>	<i>2.473.606.000</i>	<i>-</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>3.773.606.000</i>	<i>3.773.606.000</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	2.473.606.000	2.473.606.000	-	1.300.000.000	3.773.606.000	3.773.606.000
<i>Vay dài hạn:</i>	<i>1.040.129.300</i>	<i>1.040.129.300</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.040.129.300</i>	<i>1.040.129.300</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	1.040.129.300	1.040.129.300	-	-	1.040.129.300	1.040.129.300
<b>Cộng</b>	<b>129.388.031.800</b>	<b>129.388.031.800</b>	<b>107.450.908.500</b>	<b>91.724.766.000</b>	<b>113.661.889.300</b>	<b>113.661.889.300</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.21 Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	753.380.608.771	106.447.349.269	2.106.462.409.118
Lãi năm trước	-	-	-	-	-	229.416.534.739	104.662.518	229.521.197.257
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.455.883.000)	(2.455.883.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.606.962.922)	(1.311.436.692)	(9.918.399.614)
Ảnh hưởng năm trước do điều chỉnh lợi nhuận công ty liên kết	-	-	-	-	-	(55.629.299)	-	(55.629.299)
Ảnh hưởng năm trước	-	-	-	-	-	(29.241.888)	-	(29.241.888)
Số dư tại ngày 31/12/2023	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	974.105.309.401	102.784.692.095	2.323.524.452.574
Số dư tại ngày 01/01/2024	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	974.105.309.401	102.784.692.095	2.323.524.452.574
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	40.136.715.593	(356.480.616)	39.780.234.977
Tại ngày 31/03/2024	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	1.014.242.024.994	102.428.211.479	2.363.304.687.551

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.21.2. Chi tiết vốn của chủ sở hữu.**

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	792.280.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ HD (HD Capital)	180.000.000.000	180.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hướng Công Viên	-	175.260.000.000
Các cổ đông khác	277.624.050.000	102.364.050.000
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	95.950.000
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000.000</b>	<b>1.250.000.000.000</b>

**4.21.3. Vốn cổ phần**

Chi tiết vốn cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/03/2024 VND Cổ phần	Tại ngày 01/01/2024 VND Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- Cổ phần phổ thông	125.000.000	125.000.000
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.500	9.500
- Cổ phần phổ thông	9.500	9.500
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	124.990.500	124.990.500
- Cổ phần phổ thông	124.990.500	124.990.500
- Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND

**4.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm nay chưa được trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Ngoại tệ các loại:		
- USD	453.427,11	501.774,15

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Nợ khó đòi đã xử lý:	Tại ngày	Tại ngày
	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
CTCP XNK Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận	41.000.000	41.000.000
Nộp thuế XNK 2 lần tại Hải quan TP.HCM	6.231.565	6.231.565
Cty TNHH CBKD Hải sản Dương Hà	187.452.000	187.452.000
	<b>282.598.192</b>	<b>282.598.192</b>

Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:	ĐVT	Tại ngày	Tại ngày
		31/03/2024	01/01/2024
Tôm đồ Argentina nhập khẩu còn vỏ đông lạnh	Kg		
Tôm đồ Argentina nhập khẩu còn vỏ bỏ đầu đông lạnh cỡ C2	Kg	93.480,00	67.716,00
Tôm đồ Argentina nhập khẩu còn vỏ còn đầu đông lạnh cỡ L3	Kg	-	21.180,00
Tôm nước lạnh nguyên con đông lạnh (Ama)	Kg	16.329,00	40.445,00
Tôm thủy tinh Nhật bản NCDL	Kg	30,00	30,00
Tôm Hùm Đông lạnh	Kg	4,54	4,54
Cá Trích NCDL cỡ 50-70gr/con	Kg	6.060,00	14.190,00
Tôm NCDL cỡ 15-20Gr/con	Kg	-	1.086,00
Cá Nhồng đồ	Kg	60	60,00
Cá Chém đen nc đông lạnh	Kg	18.053,00	18.053,00
Sò điệp còn vỏ đông lạnh	Kg	-	27,35
Sò điệp bỏ vỏ đông lạnh	Kg	8,00	8,00
Màng co (kg)	Kg	3.490,78	4.439,78
Tem dán túi	Chiếc	84.090,00	84.090,00
Tem dán túi thực phẩm bằng giấy đã in	Chiếc	-	32.988,00
Túi hấp thụ ô xy (kg)	Kg	122,90	122,90
Tấm lót thấm nước	Kg	17,06	215,77
Túi hút chân không PA (kg)	Kg	1.274,95	1.587,82
Khay thực phẩm bằng Plastic	Kg	15.777,00	15.777,00
Phụ gia thực phẩm	Kg	10,80	18,70

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	8.262.901.875	28.900.117.967	8.262.901.875	28.900.117.967
Doanh thu bán thành phẩm	93.505.600.586	116.301.158.332	93.505.600.586	116.301.158.332
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.957.090.894	24.904.606.100	21.957.090.894	24.904.606.100
<b>Cộng</b>	<b>123.725.593.355</b>	<b>170.105.882.399</b>	<b>123.725.593.355</b>	<b>170.105.882.399</b>

**5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Chiết khấu thương mại	17.763.928	22.520.595	17.763.928	22.520.595
<b>Cộng</b>	<b>17.763.928</b>	<b>22.520.595</b>	<b>17.763.928</b>	<b>22.520.595</b>

**5.3 Giá vốn hàng bán**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	6.680.724.756	27.128.775.402	6.680.724.756	27.128.775.402
Giá vốn của thành phẩm đã bán	83.522.932.677	104.900.422.357	83.522.932.677	104.900.422.357
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.972.234.776	12.765.875.895	10.972.234.776	12.765.875.895
Dự phòng / hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(879.247.873)	-	(879.247.873)	-
<b>Cộng</b>	<b>100.296.644.336</b>	<b>144.795.073.654</b>	<b>100.296.644.336</b>	<b>144.795.073.654</b>

**5.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Lãi tiền gửi	4.604.574.942	12.127.689.407	4.604.574.942	12.127.689.407
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	894.742.932	1.034.815.082	894.742.932	1.034.815.082
Lãi bán ngoại tệ	26.015.000	-	26.015.000	-
<b>Cộng</b>	<b>5.525.332.874</b>	<b>13.162.504.489</b>	<b>5.525.332.874</b>	<b>13.162.504.489</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.5 Chi phí tài chính**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	1.301.564.262	1.480.354.727	1.301.564.262	1.480.354.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	408.717.297	232.298.615	408.717.297	232.298.615
<b>Cộng</b>	<b>1.710.281.559</b>	<b>1.712.653.342</b>	<b>1.710.281.559</b>	<b>1.712.653.342</b>

**5.6 Chi phí bán hàng**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	2.036.511.426	2.825.336.693	2.036.511.426	2.825.336.693
Chi phí vật liệu, bao bì	88.813.174	41.357.054	88.813.174	41.357.054
Chi phí công cụ, đồ dùng	9.833.030	24.588.637	9.833.030	24.588.637
Chi phí khấu hao TSCĐ	39.997.746	151.731.582	39.997.746	151.731.582
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.753.697.933	3.765.043.844	2.753.697.933	3.765.043.844
Chi phí bằng tiền khác	1.717.492.142	1.141.618.455	1.717.492.142	1.141.618.455
<b>Cộng</b>	<b>6.646.345.451</b>	<b>7.949.676.265</b>	<b>6.646.345.451</b>	<b>7.949.676.265</b>

**5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Luỹ kế năm 2024 VND	Luỹ kế năm 2023 VND
Chi phí nhân viên	6.161.884.984	6.815.523.079	6.161.884.984	6.815.523.079
Chi phí vật liệu quản lý	660.998.201	1.089.796.854	660.998.201	1.089.796.854
Chi phí đồ dùng văn phòng	329.580.814	154.463.668	329.580.814	154.463.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	481.592.486	474.772.785	481.592.486	474.772.785
Thuế, phí và lệ phí	3.149.640.327	4.670.409.774	3.149.640.327	4.670.409.774
Dự phòng phải thu khó đòi	175.487.927	7.004.478.462	175.487.927	7.004.478.462
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.456.489.334	1.383.990.780	1.456.489.334	1.383.990.780
Chi phí bằng tiền khác	2.349.468.535	2.151.550.926	2.349.468.535	2.151.550.926
<b>Cộng</b>	<b>14.765.142.608</b>	<b>23.744.986.328</b>	<b>14.765.142.608</b>	<b>23.744.986.328</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.8 Thu nhập khác**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Lũy kế năm 2024 VND	Lũy kế năm 2023 VND
Thu cho thuê	-	3.229.326	-	3.229.326
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	705.562.801	-	705.562.801	-
Thu nhập khác	101.248.914	159.351.867	101.248.914	159.351.867
<b>Cộng</b>	<b>806.811.715</b>	<b>162.581.193</b>	<b>806.811.715</b>	<b>162.581.193</b>

**5.9 Chi phí khác**

	Quý 1/2024 VND	Quý 1/2023 VND	Lũy kế năm 2024 VND	Lũy kế năm 2023 VND
Phạt vi phạm hành chính	82.000.000	-	82.000.000	-
Chi phí khác	30.748.937	21.939.636	30.748.937	21.939.636
<b>Cộng</b>	<b>112.748.937</b>	<b>21.939.636</b>	<b>112.748.937</b>	<b>21.939.636</b>

**5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Tổng công ty Thủy sản VN	1.556.405.016	3.078.503.949
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.556.405.016</b>	<b>3.078.503.949</b>



**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

QUÝ 1 NĂM 2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan**Mối quan hệ**

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Công ty mẹ
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty CP DV Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ HD	Cổ đông lớn
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tổng Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/03/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
<b>Phải thu:</b>		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	6.600.000	6.600.000
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	46.628.747	65.538.945
<b>Cộng</b>	<b>53.228.747</b>	<b>72.138.945</b>
<b>Phải trả:</b>		
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	4.994.824.935
<b>Cộng</b>	<b>4.994.824.935</b>	<b>4.994.824.935</b>

**TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**QUÝ 1 NĂM 2024**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Mua hàng hoá/dịch vụ:</b>		
Cty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	5.454.546	5.454.546
Cty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	9.000.000	9.000.000
<b>Cộng</b>	<b>14.454.546</b>	<b>14.454.546</b>
<b>Bán hàng hoá:</b>		
Công ty Cổ phần DV Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	68.940.000	100.716.000
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	176.692.743	375.089.217
<b>Cộng</b>	<b>245.632.743</b>	<b>475.805.217</b>
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của người quản lý	1.991.443.043	1.891.752.438
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	138.000.000	138.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.129.443.043</b>	<b>2.029.752.438</b>

**7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



**Lê Cao Thủy Linh**  
Người lập



**Vũ Thị Hồng Gấm**  
Kế toán trưởng



**Mai Xuân Phong**  
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2024